

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ
lĩnh vực Người có công thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nội vụ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1025/QĐ-BNV ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi các Quyết định công bố thủ tục hành chính lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 4208/TTr-SNV ngày 11 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 06 thủ tục hành chính (TTHC) trong đó 01 TTHC được bãi bỏ; sửa đổi một số nội dung của 05 TTHC lĩnh vực Người có công thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nội vụ (*Danh mục kèm theo*).

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao trách nhiệm cho Sở Nội vụ thực hiện các công việc sau:

1. Cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo đúng quy định; trình UBND thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính liên quan.

2. Niêm yết, công khai và triển khai thực hiện giải quyết các TTHC liên quan theo hướng dẫn tại Quyết định số 1025/QĐ-BNV ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Bộ Nội vụ công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn/>) theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể ngày ký.

- Bãi bỏ TTHC mã số 1.010793 tại Quyết định số 1192/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2025 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực người có công thực hiện tiếp nhận và giải quyết tại UBND cấp xã, UBND cấp huyện, Sở Nội vụ, Sở Y tế thuộc thẩm quyền quyết định của các cơ quan cấp Trung ương;

- Nội dung khác của các TTHC có mã số 1.010811, 1.010829, 1.010612, 1.004964, 1.010774 không được sửa đổi tại quyết định này, thực hiện theo Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2025 về việc Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực Người có công; Thi đua - Khen thưởng; Việc làm; An toàn lao động, vệ sinh lao động; Quản lý lao động ngoài nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các PCVP UBND thành phố;
- Công TTĐT, TT PVHCC thành phố;
- Lưu: VT, KSTH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Chí Tài

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ, SỬA ĐỔI MỘT SỐ NỘI DUNG LĨNH VỰC
NGƯỜI CÓ CÔNG ĐÃ ĐƯỢC CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ CÔNG BỐ TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1788/QĐ-UBND
NGÀY 24/6/2025 VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 1192/QĐ-UBND NGÀY 25/4/2025 THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ NỘI VỤ**
(Kèm theo Quyết định số 2963/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

I. DANH MỤC TTHC BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố	Căn cứ pháp lý quy định việc bãi bỏ TTHC
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN TRUNG ƯƠNG			
1.	1.010793	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công	Quyết định số 320/QĐ-BNV ngày 08/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ.	Quyết định số 1025/QĐ-BNV ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi các Quyết định công bố thủ tục hành chính lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ

II. DANH MỤC TTHC SỬA ĐỔI MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA TTHC LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG

Nội dung được công bố theo Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 24/6/2025					Nội dung sửa đổi
STT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	
1.	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập	Người có công	42 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định <i>(thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện)</i> .	- Cơ quan thực hiện: Cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng; Sở Nội vụ. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nội vụ	1. Bổ sung cơ quan thực hiện TTHC: UBND cấp xã. 2. Thay đổi thời gian giải quyết thành: “- Đối với trường hợp đề nghị cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục

Nội dung được công bố theo Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 24/6/2025					Nội dung sửa đổi
STT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	
	trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý (1.010811)				<i>hồi chức năng lần đầu: 35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Đối với trường hợp đề nghị cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng không phải lần đầu: 7 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện)."</i>
2.	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ (1.010829)	Người có công	- Đối với trường hợp chưa được hỗ trợ: 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ giấy tờ. - Đối với trường hợp đã được hỗ trợ: 11 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ giấy tờ. <i>(thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).</i>	- Cơ quan thực hiện: UBND cấp xã; Sở Nội vụ. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nội vụ.	Thay đổi trình tự thực hiện
3.	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	Người có công	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định <i>(thời gian cụ thể</i>	- Cơ quan thực hiện: UBND cấp xã; Sở Nội vụ; UBND thành phố.	Đổi mã TTHC: Từ "mã số 1.010612" sang mã số 1.010812

Nội dung được công bố theo Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 24/6/2025					Nội dung sửa đổi
STT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	
	người có công do tỉnh quản lý (1.010612)		<i>được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).</i>	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố.	
4.	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a (1.004964)	Người có công	20 ngày làm việc (<i>thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).</i>	- Cơ quan thực hiện: UBND cấp xã, Sở Nội vụ. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.	Thay đổi lĩnh vực: Từ “lĩnh vực Lao động, tiền lương” sang lĩnh vực Người có công
5.	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước (1.010774)	Người có công	- Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP: 212 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP: 110 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 21 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP: 85 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP: +Trường hợp bia ghi danh liệt sĩ do UBND cấp xã nơi người đề nghị	- Cơ quan thực hiện: Cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh; UBND cấp xã; Sở Nội vụ; UBND thành phố; Bộ Nội vụ; Văn phòng Chính phủ. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ.	Sửa đổi thời gian giải quyết của 02 trường hợp: Từ “+Trường hợp bia ghi danh liệt sĩ do UBND cấp xã nơi người đề nghị quản lý: 225 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; + Trường hợp bia ghi danh liệt sĩ không do UBND cấp xã nơi người đề nghị quản lý: 217 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ” thành “+Trường hợp bia ghi danh liệt sĩ do UBND cấp xã nơi người đề nghị quản lý: 225 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;

Nội dung được công bố theo Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 24/6/2025					Nội dung sửa đổi
STT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	
			quản lý: 225 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; + Trường hợp bia ghi danh liệt sĩ không do UBND cấp xã nơi người đề nghị quản lý: 217 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).		+ Trường hợp bia ghi danh liệt sĩ không do UBND cấp xã nơi người đề nghị quản lý: 217 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ”.

* **Ghi chú:** Nội dung chi tiết của các TTHC đã được Bộ Nội vụ công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn/>)./.